

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DẦU TIẾNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2022/DS-ST

Ngày: 28-9-2022

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự  
(vay tài sản).

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Long Ty

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hồ Sỹ Quý;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Trương Quốc Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 551/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 81/2022/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Minh T, sinh năm 1965; hộ khẩu thường trú: Số 25, đường Nguyễn An N, khu phố A, thị trấn D, huyện D1, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Bà Võ Thị Ch, sinh năm 1975; hộ khẩu thường trú: Số 32, đường G, khu phố C, thị trấn D, huyện D1, tỉnh B.

Nguyên đơn (bà T) có mặt tại phiên tòa; bị đơn (bà Ch) vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 11 năm 2020, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn (bà T) trình bày: Bà T và bà Ch có mối quan hệ quen biết ngoài xã hội, do hoàn cảnh bà Ch khó khăn về kinh tế không có tiền kinh doanh, buôn bán nên ngày 14/11/2019, bà Ch mượn bà T số tiền

70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng), bà Ch hẹn đến ngày 20/01/2020 sẽ trả lại số tiền đã mượn cho bà T. Tuy nhiên, ngày 18/01/2020 bà Ch tiếp tục mượn của bà T số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), bà Ch hứa trong vòng một tháng sẽ trả lại cho bà T. Tiếp đến ngày 14/5/2020, bà Ch mượn thêm số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), bà Ch hứa đến khi nào bà T cần tiền thì báo cho bà Ch biết trước một tháng để bà Ch trả tiền cho bà T. Tổng ba lần bà T cho bà Ch mượn số tiền 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng). Việc bà T, cho bà Ch mượn ba lần tiền nêu trên thì giữa bà T và bà Ch không thỏa thuận lãi suất. Cả ba lần bà T cho bà Ch mượn tiền thì bà Ch điều tự viết giấy nợ và ký tên xác nhận. Tuy nhiên, bà Ch đã trả cho bà T được số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng). hiện nay, bà Ch còn nợ lại bà T số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) từ đó cho đến nay bà Ch vẫn không trả cho bà T. Mặc dù, bà T nhiều lần yêu cầu bà Ch trả số tiền còn nợ nêu trên cho bà T nhưng bà Ch cố tình né tránh. Vì vậy, bà T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ch có trách nhiệm thanh toán cho bà T số tiền vay còn nợ bà T là 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng), bà T không yêu cầu tính lãi suất. Ngoài ra, bà T không có ý kiến gì khác.

*\* Bị đơn (bà Võ Thị Ch):*

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để bị đơn tham gia giải quyết vụ án nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn. Quá trình Tòa án xác minh, xác định bị đơn (bà Võ Thị Ch, sinh năm 1975; có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 32, đường G, khu phố C, thị trấn D, huyện D1, tỉnh B và vẫn còn đang sinh sống tại địa phương).

*\* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn trong quá trình tiến hành tố tụng Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là “tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố Tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú tại số 32, đường G, khu phố C, thị trấn D, huyện D1, tỉnh B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D1, tỉnh B theo quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn cho bị đơn mượn ba lần tiền cụ thể: Ngày 14/11/2019, nguyên đơn cho bị đơn mượn số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng), bị đơn hứa đến ngày 20/1/2020 sẽ trả lại tiền mượn cho nguyên đơn; ngày 18/01/2020, bị đơn tiếp tục mượn của nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), bị đơn cam kết trong vòng một tháng sẽ trả lại tiền mượn cho nguyên đơn; ngày 14/5/2020, bị đơn tiếp tục mượn của nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng, bị đơn cam kết khi nào nguyên đơn cần tiền thì báo trước một tháng cho bị đơn để bị đơn trả lại tiền mượn cho nguyên đơn. Cả ba lần bị đơn mượn tiền của nguyên đơn thì bị đơn tự viết giấy nợ và ký tên xác nhận, cũng như giữa nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận lãi suất trong ba giấy mượn tiền nêu trên. Tổng cộng ba lần nguyên đơn cho bị đơn mượn là 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng), bị đơn đã trả cho nguyên đơn được số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng). Hiện nay, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) nhưng đến nay đã quá thời hạn thanh toán tiền vay còn nợ cho nguyên đơn nhưng bị đơn cố tình né tránh, không thanh toán tiền vay còn nợ cho nguyên đơn.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng), nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất.

Nguyên đơn cung cấp chứng cứ chứng minh là ba giấy nợ ngày 14/11/2019; ngày 18/01/2020; ngày 14/5/2020 có chữ ký tên, họ và tên của bị đơn. Quá trình Tòa án giải quyết, bị đơn cố tình né tránh, không hợp tác, Tòa án cũng đã thực hiện việc niêm yết các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật để bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của bị đơn nhưng bị đơn không hợp tác, từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Vì vậy, đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, có cơ sở khẳng định chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là có giá trị chứng minh. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu

đồng) cho nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là ba giấy nợ ngày 14/11/2019; ngày 18/01/2020; ngày 14/5/2020 có chữ ký tên, họ và tên của bị đơn. Sau nhiều lần nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền vay còn nợ cho nguyên đơn nhưng bị đơn không thanh toán. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn nợ cho nguyên đơn là 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) là phù hợp các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Theo biên bản xác minh ngày 12/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng thể hiện bị đơn (bà Võ Thị Ch, sinh năm 1975; có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 32, đường G, khu phố C, thị trấn D, huyện D1, tỉnh B và vẫn còn sinh sống tại địa phương). Việc bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án là cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 244, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*\* Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)” của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Minh T đối với bị đơn bà Võ Thị Ch.

Buộc bà Võ Thị Ch có trách nhiệm thanh toán cho bà Huỳnh Thị Minh T số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/9/2022) cho đến khi thi hành án xong, kể từ ngày bà Huỳnh Thị Minh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Võ Thị Ch không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng bà Võ Thị Ch còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Võ Thị Ch phải nộp số tiền 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

- Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Minh T số tiền 2.250.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà T đã nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0045413 ngày 25/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 28/9/2022).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Long Ty**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Trần Văn Liêm**

**Nguyễn Tấn Hưng**

**Lê Long Ty**